

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 103/2019/DS-ST

Ngày: 23/7/2019

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Bà: Trương Thị Kim Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 23/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2019/TLST-DS ngày 05/4/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2019/QĐST-DS ngày 25/6/2019 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/6/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà L có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Vào ngày 19/7/2016 bà có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 15.000.000đồng, các bên có làm giấy mượn nợ, trong giấy mượn nợ có thỏa thuận về tiền lãi suất là 10%/tháng, mỗi tháng trả 1.500.000đồng tiền lãi. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận nếu không trả lãi thì tính vào nợ gốc. Trong năm 2018, bà L

cho rằng ông T còn vay thêm bà nhiều lần với số tiền là 10.800.000 đồng, nhưng các bên không làm giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T (Bầy vịt) có trách nhiệm trả số tiền 25.800.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 02/7/2019, ông trình bày:

Ông thừa nhận có vay của bà L số tiền 15.000.000 đồng theo giấy mượn nợ mà bà L giao nộp. Ông đã trả lãi đầy đủ cho bà L. Nay ông xác định chỉ còn nợ lại bà L số tiền 15.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 19/7/2016. Ngoài ra, ông không còn nợ bà L số tiền nào khác và không có vay tiền bà L nhiều lần vào năm 2018 như bà L trình bày.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm trả một lần số tiền 25.800.000 đồng thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 15.000.000 đồng, theo như giấy nhận nợ mà ông đã ký với bà L. Nhưng hiện nay hoàn cảnh của ông khó khăn nên ông xin được trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Bà chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả 01 lần số nợ gốc là 15.000.000 đồng theo giấy biên nhận nợ lập ngày 19/7/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng quy định tại các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L đối với ông Nguyễn Văn T, ông T cũng có ý kiến phản hồi và thừa nhận có vay tiền của bà L theo giấy mượn tiền ngày 19/7/2016. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ông T có nơi cư trú là ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, thời hiệu khởi kiện còn trong hạn luật định.

[2] Về nội dung:

Xét giấy vay tiền ngày 19/7/2016 có nội dung phù hợp giao dịch dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, trong giấy vay có thể hiện thời gian vay, thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện thời gian trả nợ nên là hợp đồng vay không có kỳ hạn.

[3] Xét về yêu cầu trả tiền gốc: Nguyên đơn yêu cầu ông T trả số tiền gốc là 25.800.000đồng là số tiền ông T đã vay vào năm 2016 và năm 2018. Trong đó số tiền 15.000.000đồng là có giấy mượn nợ, có chữ ký của ông T và ông T cũng thừa nhận về việc vay tiền này nên đây là chứng cứ không phải chứng minh trong vụ án. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận: Buộc ông T phải có trách nhiệm trả số tiền này cho bà L là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Về số tiền 10.800.000đồng mà bà L cho rằng ông T đã vay bà L vào năm 2018, nhưng ông T không thừa nhận. Tại phiên tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến trình bày của bị đơn xin được trả dần, nhưng yêu cầu này không được phía nguyên đơn đồng ý. Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành thì không có quy định nào cho phép đương sự được trả dần khi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T phải thanh toán nợ một lần cho bà L.

[4] Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu xem xét khoản tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/QH14 theo phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 468, 469 và Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội Khóa 14 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Bảy vệt).

Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh L số nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp 750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 645.000đồng theo biên lai thu số 0004401 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND TT Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức

